

Tiết 34

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG

(tiếp theo)

TỪ TƯỢNG THANH, TỪ TƯỢNG HÌNH

MỘT SỐ PHÉP TU TỪ TỪ VỰNG

LUYỆN TẬP TỔNG HỢP





I. Từ tượng thanh và từ tượng hình

1. Ôn khái niệm:

	Khái niệm	Ví dụ
Từ tượng thanh	Mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người.	ào ào, lạnh lạnh, sang sảng, choe chỏe, ư ử...
Từ tượng hình	Gợi tả hình ảnh dáng vẻ, trạng thái của sự vật.	lắc lư, lão đảo, ngật ngưỡng, ghập ghềnh, liêu xiêu, rũ rượi...



2. Bài tập/146,147/sgk



Bài 1: Những tên loài vật là từ tượng thanh

- Mèo
- Bò
- Quạ
- Ve
- Chích chòe
- Cuốc
- Chèo bẻo
- Tu hú
- Tắc kè ...



2. Bài tập/146,147/sgk

Bài 2: Xác định từ tượng hình và giá trị sử dụng của chúng trong đoạn trích sau :

Đám mây lôm đôm, xám như đuôi con sóc nối nhau bay quần sát ngọn cây, lê thê đi mãi, bây giờ cứ loáng thoáng nhạt dần, thỉnh thoảng dứt quãng, đã lô lô đằng xa một bức vách trắng toát.

* **Tác dụng:** làm cho hình ảnh đám mây hiện ra một cách cụ thể và sống động với những đường nét, dáng vẻ, màu sắc khác nhau, giúp người đọc, người nghe dễ hình dung và cảm nhận.



II. Một số phép tu từ từ vựng

1. Ôn khái niệm:

- So sánh, Nhân hoá, Ẩn dụ, Hoán dụ, Nói quá, Nói giảm nói tránh, Điệp ngữ Chơi chữ.

1, **So sánh:** là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm.

2, **Nhân hoá:** là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả con người làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

3, **Ẩn dụ:** là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.



II. Một số phép tu từ từ vựng

1. Ôn khái niệm:

- So sánh, Nhân hoá, Ẩn dụ, Hoán dụ, Nói quá, Nói giảm nói tránh, Điệp ngữ Chơi chữ.

4, **Hoán dụ:** là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

5, **Nói quá:** là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

6, **Nói giảm nói tránh:** là cách nói tế nhị, uyển chuyển nhằm làm giảm cảm giác đau buồn, nặng nề, ghê sợ; tránh thô tục, thiếu lịch sự.



II. Một số phép tu từ từ vựng

1. Ôn khái niệm:

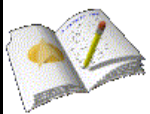
So sánh, Nhân hoá, Ẩn dụ,
Hoán dụ, Nói quá, Nói giảm
nói tránh, Điệp ngữ Chơi chữ.

7, **Điệp ngữ:** là cách lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh.

8, **Chơi chữ:** là lợi dụng sự đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước làm câu văn hấp dẫn và thú vị .



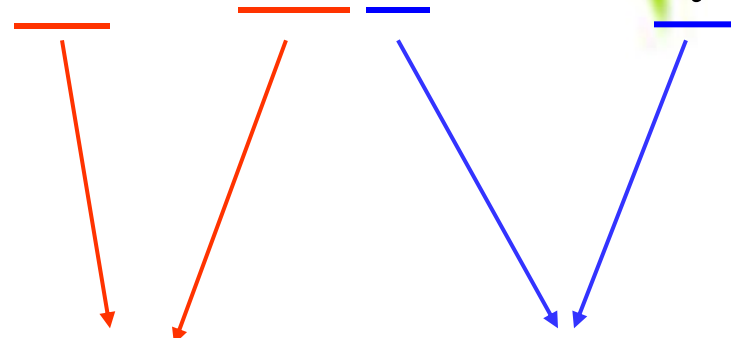
2. Phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong những câu thơ sau:



a. **Ẩn dụ** → Thuý Kiều bán mình để cứu gia đình.

b. **So sánh** → Ngợi ca tiếng đàn làm say đắm lòng người của Thuý Kiều.

a. Thà rằng liều một thân con
 Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây



➤ Thúy Kiều ➤ Gia đình Thúy Kiều

b. Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.
 Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
 Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.



➤ Tiếng đàn của Thuý Kiều



Câu 2: Phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong những câu thơ sau:



c. Nói quá → Nguyễn Du đã thể hiện đầy ấn tượng về một nhân vật tài sắc vẹn toàn

d. Nói quá → Nguyễn Du đã cực tả sự xa cách về thân phận, cảnh ngộ của Thuý Kiều và Thúc Sinh.

e. Chơi chữ → Tài năng và tai họa nhiều lúc đi liền với nhau.

c. Làn thu thủy nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

Một hai nghiêng nước nghiêng thành.

Sắc đành đòi một tài đành họa hai.



d. Góc kinh viện sách đôi nơi,
Trong gang tấc lại gấp mười quan san.

e. Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.



Câu 3: Phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong những câu (đoạn) sau:

a) Còn trời còn nước còn non
Còn cô bán rượu anh còn say sưa

-> **Điệp từ** “còn”: Thể hiện tình cảm mạnh mẽ mà kín đáo, tế nhị của chàng trai.

b. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
Voi uống nước, nước sông phải cạn.

(Nguyễn Trãi, Bình ngô đại cáo)

* **Nói quá:** dùng “*đá núi cũng mòn*”, “*nước sông phải cạn*” để nhấn mạnh sự trường thành và khí thế *lớn mạnh* của nghĩa quân Lam Sơn.

c, Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.



(Hồ Chí Minh, Cảnh khuya)

* **So sánh:** Dùng “*như tiếng hát xa*”, “*như vẽ*” để miêu tả sắc nét và sinh động âm thanh của tiếng suối và cảnh rừng dưới đêm trăng. Nó thể hiện tinh thần lạc quan của một tâm hồn thi sĩ.

d. Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Hồ Chí Minh, Ngắm trăng).

* **Nhân hoá:** nhân hoá ánh trăng, biến trăng thành người bạn tri âm, tri kỉ “Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ” → thiên nhiên trong bài thơ trở nên sống động, có hồn, gắn bó với con người hơn.



e. Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi,
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng
(Nguyễn Khoa Điềm, Khúc hát ru ...)

* **Ân dụ** từ “*mặt trời*” ở **câu 2 chỉ** em bé trên lưng mẹ →
Thể hiện sự gắn bó của đứa con với người mẹ, đó là nguồn sống, là niềm tin của mẹ vào ngày mai

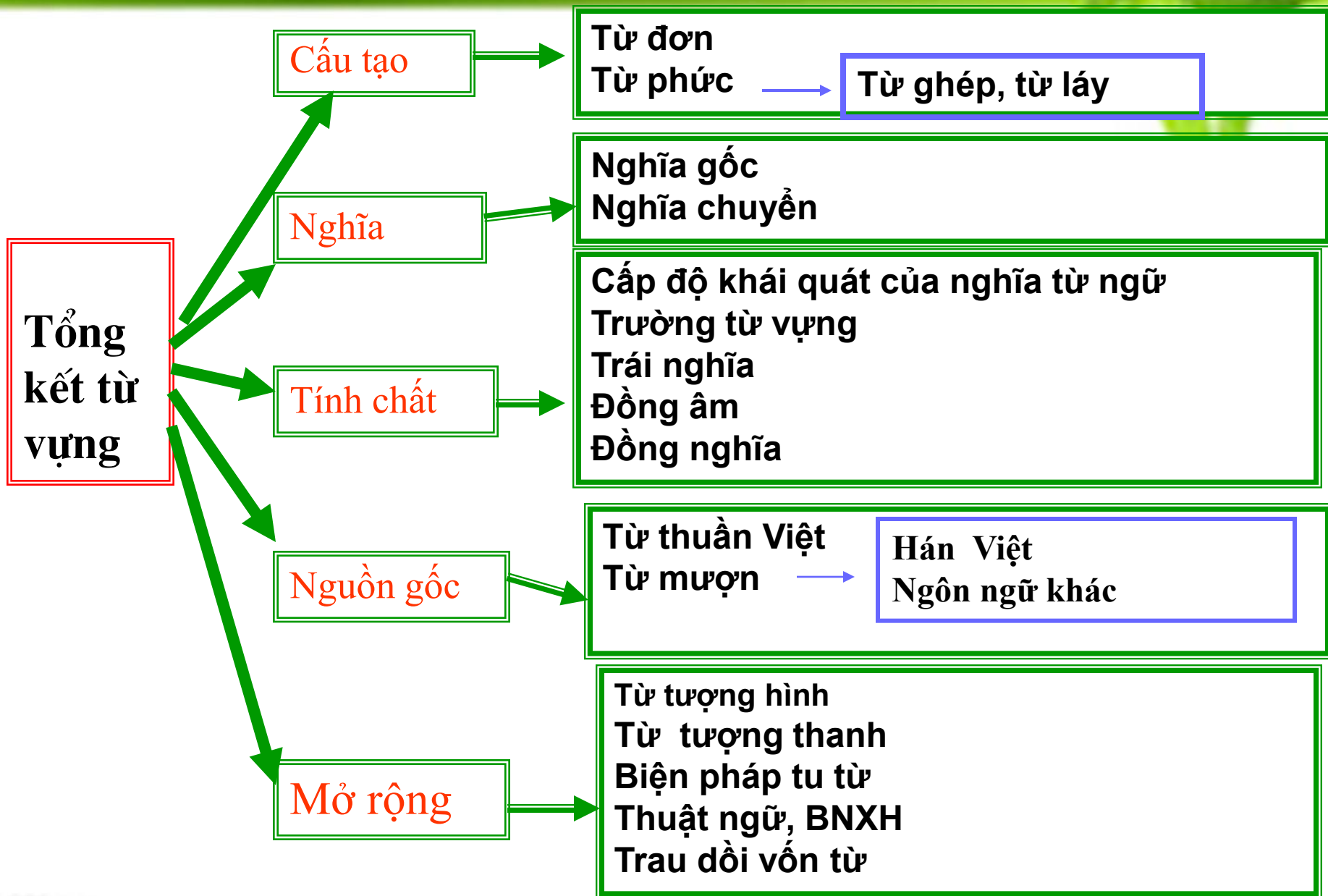
QUAN SÁT LẠI HỆ THỐNG KIẾN THỨC
LÝ THUYẾT TỔNG HỢP QUA SƠ ĐỒ
TƯ DUY





Tiết 34

Tổng kết về từ vựng (Luyện tập tổng hợp)



Bài tập 1, 2,3,4,5,6: (Sgk/158,159,160) các em học sinh tự làm vào vở bài tập





HOMEWORK

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ



** Đối với bài học ở tiết này:*

- Học sinh đọc lại bài và nắm kiến thức
- Hoàn thành các bài tập còn lại vào vở bài tập Ngữ Văn.

** Chuẩn bị bài mới:*

- Chuẩn bị bài: Đồng chí

